

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280/2024/DS-PT

Ngày 21 tháng 11 năm 2024

V/v tranh chấp "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai và ông Nguyễn Phước Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường Sơn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14B/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Văn Ph, sinh năm 1975 (Có mặt);

Nơi cư trú: tổ 10, khóm XH, phường TB, thị xã TB, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lôi Thị D, sinh năm 1959, nơi cư trú: Số 259/10A PH, phường 9, thành phố VL, tỉnh VL là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy ngày 14/10/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn Gi, sinh năm 1976 (Có mặt);

Nơi cư trú: tổ 11, khóm XH, phường TB, thị xã TB, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn M là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1927;

Nơi cư trú: Tổ 11, khóm XH, phường TB, thị xã TB, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của ông Đinh Văn N: Ông Đinh Văn Gi, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 11, khóm XH, phường TB, thị xã TB, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/8/2022 (Có mặt).

3.2 Bà Đinh Thị Xuân M, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt);

3.3 Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 11, kh X H, phường TB, thị xã TB, tỉnh AG.

3.4 Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

3.5 Chị Đinh Thị Bích Ph1, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 16, khóm PT, phường AP, thị xã TB, tỉnh AG.

3.6 Chị Võ Bích Tr, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: R12, đường số 9, KDC Cty 8, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của chị Võ Bích Tr: anh Nguyễn Phúc Thịnh, sinh năm 1999, nơi cư trú: ấp Thạnh Thới, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/8/2023 (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Đinh Văn Ph là bị đơn và bà Đinh Thị Xuân M, bà Đinh Thị Bích Ph1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Đinh Văn Ph ủy quyền cho bà Lôi Thị D trình bày:

Cha mẹ của ông Ph là ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị Phẩm, chết năm 2021 có 4 người con là (1) bà Đinh Thị Xuân M, (2) ông Đinh Văn Hoàng, chết năm 1985 có vợ con là bà Huỳnh Thị Ph và bà Đinh Thị Bích Ph1, (3) ông Đinh Văn Ph, (4) ông Đinh Văn Gi.

Sinh thời, bà Phẩm có công khai phá và tạo dựng được diện tích 41.000m² (đất ruộng và đất vườn), tọa lạc tại khóm Xuân Hiệp, phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Bà Phẩm chết không để lại di chúc, ông Ph yêu cầu chia thừa kế thành 5 kỷ phần bằng nhau cho 5 người gồm ông Đinh Văn N, bà Đinh Thị Xuân M, cháu Đinh Thị Bích Ph1 (thừa kế thế vị của ông Đinh Văn Hoàng), Đinh Văn Ph và Đinh Văn Gi.

Quá trình tố tụng, ông Đinh Văn Ph có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 38.502,40m², gồm:

- Đất ruộng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 920139 cấp ngày 23/9/2021 cho ông Đinh Văn Gi và bà Nguyễn Thị Mỹ L diện tích 8.979 m², thửa số 157,158, 159, 162, 163, thửa số 71;

- Đất ruộng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 920140 cấp ngày

23/9/2021 cho ông Đinh Văn Gi và bà Nguyễn Thị Mỹ L diện tích 12.731 m², các thửa 127,128, 129, 133, 156, thửa số 71 (Theo Bản trích đo hiện trạng thì hiện nay bà Võ Bích Tr đứng tên GCNQSDĐ).

- Đất vườn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 920138 cấp ngày 23/9/2021 cho ông Đinh Văn Gi và bà Nguyễn Thị Mỹ L diện tích 16.792,4m² gồm thửa 124, thửa số 70.

Ông Ph ước tính giá trị của đất ruộng khoảng 150.000.000 đồng/1.000m². Đất vườn khoảng 200.000.000 đồng/1.000m², yêu cầu chia bằng hiện vật.

Bị đơn là ông Đinh Văn Gi trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha mẹ là ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị Phẩm tạo dựng khoảng năm 1980. Thời điểm bà Phẩm còn sống thì cha mẹ cùng ở chung với vợ chồng ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2021 ông N và bà Phẩm cùng thống nhất làm hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất trên và đã hoàn tất thủ tục chuyển quyền cho vợ chồng ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì ông là con trai út nên cha mẹ để lại cho ông để nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà. Năm 2022 ông đã chuyển nhượng phần đất ruộng cho bà Võ Bích Tr ở xã Thới Sơn và đã làm thủ tục chuyển quyền cho bà Tr. Đối với ông Ph trước đây cha mẹ cũng đã chia đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01511 QSDĐ/gK ngày 19/4/1999 đã được điều chỉnh biến động cho ông Ph và bà Trịnh Thị Thi ngày 26/11/2007 nhưng ông Ph đã bán hết, ông Gi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Gi thống nhất giá trị đất ruộng khoảng 150.000.000 đồng/1.000m², đất vườn khoảng 200.000.000 đồng/1.000m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đinh Văn N ủy quyền cho ông Đinh Văn Gi trình bày: Diện tích đất tranh chấp do vợ chồng ông khai phá, trước đó có chia đất cho các con rồi nên diện tích đất còn lại để lại cho Gi đứng tên sử dụng để nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Đinh Thị Xuân M trình bày: Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Ph, bà M xác định toàn bộ diện tích mà ông Ph khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Phẩm. Ông Đinh Văn N là cha nhưng ông bỏ nhà đi cho đến năm 1980 mới về nhà, mẹ và các anh chị em của bà không thừa nhận. Bà cũng yêu cầu được nhận theo kỹ phần bằng hiện vật, bà M ước tính giá trị đất ruộng khoảng 150.000.000 đồng/1.000m², đất vườn khoảng 200.000.000 đồng/ 1.000m². Bà M đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà nhưng bà chưa nộp.

Bà Huỳnh Thị Ph trình bày: Bà và ông Đinh Văn Hoàng kết hôn năm 1984, đến năm 1985 ông Hoàng đi nghĩa vụ và cùng năm đó ông Hoàng hi sinh. Đất do công sức khai phá của ông Hoàng và hiện nay bà Ph1 (là con của bà với ông Hoàng) chưa được ông bà chia đất nên yêu cầu chia cho bà Ph1 được hưởng kỹ phần của ông Hoàng.

Chị Đinh Thị Bích Ph1 trình bày: Chị là con của ông Đinh Văn Hoàng và bà Huỳnh Thị Ph, ông Hoàng hi sinh năm 1985. Chị yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế của bà Phạm để lại đối với kỹ phần của ông Hoàng. Chị Ph1 ước tính giá trị đất ruộng khoảng 150.000.000 đồng/1.000m², đất vườn khoảng 200.000.000 đồng/1.000m².

Bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Bà là vợ của ông Đinh Văn Gi, thời điểm bà Phạm còn sống, ông N và bà Phạm có tặng cho vợ chồng bà diện tích đất nông nghiệp và đất vườn tại khóm Xuân Hiệp, phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên và hiện vợ chồng bà đang quản lý sử dụng. Do là đất được cha mẹ cho để nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà nên không chấp nhận chia thừa kế như yêu cầu của ông Ph.

Bà Võ Bích Tr ủy quyền cho anh Nguyễn Phúc Thịnh trình bày: Ngày 10/01/2022, bà Tr với ông Trần Ngọc Thành (ông Thành là người được ông Đinh Văn Gi và bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền) xác lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Võ Duy Thế công chứng đối với diện tích đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 920139 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2021 cho Đinh Văn Gi và Nguyễn Thị Mỹ L diện tích 8.979 m², gồm các thửa 157,158, 159, 162, 163, thửa số 71.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 920140 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2021 cho Đinh Văn Gi và Nguyễn Thị Mỹ L diện tích 12.731 m², gồm các thửa 127,128, 129, 133, 156, thửa số 71.

Ngày 18/01/2022 được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên điều chỉnh biến động trên trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Tr là hợp pháp theo quy định của pháp luật nên bà Tr không có ý kiến đối với tranh chấp giữa ông Ph với ông Gi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Đinh Văn Ph và người đại diện theo ủy quyền là bà Lôi Thị D rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Ông Ph xác định đất tranh chấp có tổng diện tích là 38.502,4 m² (8979 + 12731 + 16792,4) là tài sản chung của ông N và bà Phạm. Bà Phạm chết thì ½ diện tích đất nêu trên là tài sản của bà Phạm chuyển thành di sản nên chỉ yêu cầu chia ½ diện tích 38.502,4m² = 19.251,2m² (trong đó đất vườn: 8.396,2 m²; đất ruộng 10.855 m²) và bổ sung thêm yêu cầu tuyên vô hiệu ½ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/8/2021. Vì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/8/2021 nhưng đến ngày 02/9/2021 bà Phạm chết, ngày 06/9/2021 ông Gi đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng đất và ngày 23/9/2021, ông Gi và bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, theo quy định tại Điều 503 của Bộ luật dân sự và Điều 188 của Luật đất đai thì thời điểm bà Phạm chết quyền sử dụng đất chưa được chuyển sang cho ông Gi, bà L nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chưa có hiệu lực, từ đó ½ diện tích đất của bà Phạm trong khối tài sản chung của ông N và bà Phạm

chuyển thành di sản của bà Phẩm. Bà Phẩm chết không để lại di chúc nên được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất gồm: Ông N, bà M, ông Ph, ông Gi và ông Hoàng (do chị Ph1 thừa kế thế vị), bà yêu cầu chia bằng hiện vật.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. Ông Gi cho biết, ngày 10/01/2022 ông đã chuyển nhượng cho bà Võ Bích Tr diện tích 21.710m² đất ruộng và đã hoàn tất thủ tục sang tên chuyển quyền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14B/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 612, 649 và Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Ph từ yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 38.502,4 m² (bao gồm đất vườn 16.792,4 m², đất ruộng 21.710 m²) thành 19.251,2 m² (bao gồm đất vườn 8.396,2 m², đất ruộng 10.855 m²) và bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc tuyên vô hiệu ½ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 09/8/2021 giữa ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Phẩm với ông Đinh Văn Gi, bà Nguyễn Thị Mỹ L

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn Ph về yêu cầu chia di sản thừa kế là 19.251,2 m² (bao gồm đất vườn 8.396,2 m², đất ruộng 10.855 m²), tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên (nay là phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên), tỉnh An Giang thuộc các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 920138, số vào sổ cấp GCN CS 08492 diện tích 16.792,4 m²; số DC 920139 số vào sổ cấp GCN CS09493 diện tích 8.979m² và số DC 920140 số vào sổ CS 08494 diện tích 12.731 m² do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2021 cho Đinh Văn Gi và Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn Ph về chia di sản thừa kế là 19.251,2 m² (bao gồm đất vườn 8.396,2 m², đất ruộng 10.855 m²), tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên (nay là phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên), tỉnh An Giang thuộc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 920138, số vào sổ cấp GCN CS 08492 diện tích 16.792,4 m²; số DC 920139, số vào sổ cấp GCN CS09493, diện tích 8.979 và số DC 920140, số vào sổ CS 08494, diện tích 12.731 m² do Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2021 cho Đinh Văn Gi và Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên.

4. Về chi phí tố tụng: ông Đinh Văn Ph phải chịu 37.166.140 đồng (bao gồm: chi phí đo đạc là 30.566.140 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

1.000.000 đồng; chi phí giám định 5.600.000 đồng). Ông Đinh Văn Ph đã tạm ứng nộp đủ nên không phải nộp thêm.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Đinh Văn Ph phải chịu 30.459.000 đồng. Được khấu trừ số tiền 6.162.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007659 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang nên ông Đinh Văn Ph còn phải nộp thêm 24.297.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 và 31 tháng 5 năm 2024 ông Đinh Văn Ph và bà Đinh Thị Xuân M, bà Đinh Thị Bích Ph1 nộp Đơn kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết yêu cầu ông Đinh Văn Gi và bà Nguyễn Thị Mỹ L chia cho các ông bà mỗi người phần đất diện tích 3.850,24m².

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn Ph và không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Xuân M, bà Đinh Thị Bích Ph1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14B ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Đinh Văn Ph và bà Đinh Thị Xuân M, bà Đinh Thị Bích Ph1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của ông Ph, bà M, bà Ph1, Hội đồng xét xử xét thấy về nguồn gốc phần đất diện tích 38.502,4m² (Gồm đất vườn diện tích 16.792,4 m², đất ruộng diện tích 21.710 m²), tọa lạc tại khóm Xuân Hiệp, phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên là do ông N và bà Phạm tạo lập. Đất đã được UBND huyện Tịnh Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Phạm và ông Đinh Văn N.

Ngày 09/8/2021, ông N và bà Phạm cùng ký kết Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Biên) để cho ông Gi và bà L phần đất diện tích 38.502,4m². Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà Phạm có Giấy khám sức khỏe ngày 16/6/2021 của Trung tâm y tế huyện (Nay là thị xã) Tịnh Biên, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực hành vi dân

sự, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đến ngày 02/9/2021 bà Phạm chết và ngày 06/9/2021 ông Gi đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tỉnh Biên nộp hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất là sau ngày bà Phạm chết (ngày 02/9/2021). Tuy nhiên, kể từ ngày các bên ký kết Hợp đồng ngày 09/8/2021 đã thể hiện ý chí sau cùng của bà Phạm để định đoạt tài sản của mình trước khi chết là đã có những điều kiện cần và đủ, đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật về quyền tặng cho quyền sử dụng đất. Từ khi ký kết hợp đồng đến khi bà Phạm chết, bên tặng cho tài sản (bà Phạm) không có văn bản nào để thay thế hợp đồng tặng cho tài sản đã ký kết và không có hành động nào thể hiện sự thay đổi ý chí đã thể hiện tại hợp đồng tặng cho đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, ông N trình bày trước đó có chia đất cho các con rồi (Ông Ph đã được chia phần đất diện tích 2.198m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01511 QSDĐ/gK ngày 19/4/1999 đã được điều chỉnh biên động cho ông Ph và bà Trịnh Thị Thi ngày 26/11/2007) nên diện tích đất còn lại để lại cho ông Gi đứng tên sử dụng để nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Ph cung cấp Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bà Nguyễn Thị Phạm của Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh ngày 29/5/2024, thể hiện bà Phạm nhập viện ngày 04/3/2021, ra viện ngày 11/3/2021, bệnh nhân tỉnh. Tại Phiếu xác nhận ngày 04/6/2024 của Trung Tâm Y tế thị xã Tịnh Biên ngày 04/6/2024 thể hiện bà Phạm nhập viện ngày 24/8/2021, ra viện ngày 29/8/2021 bệnh nhân hôn mê...

Tại Công văn số 23/CV-UBND ngày 06/02/2023 của UBND thị trấn Tịnh Biên có nội dung “Ngày 09/8/2023 bà Nguyễn Thị Phạm và ông Đinh Văn N, cùng cư ngụ xóm Xuân Hiệp, TT. Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang có đến UBND thị trấn Tịnh Biên thực hiện thủ tục hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất cho con ông tên Đinh Văn Gi. Qua kiểm tra giấy tờ có liên quan đến hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất và có mặt đầy đủ thành phần các bên nên UBND thị trấn Tịnh Biên thực hiện ký hợp đồng giữa ông, bà Nguyễn Thị Phạm và Đinh Văn N với ông Đinh Văn Gi theo quy định. Trong thời điểm UBND thị trấn Tịnh Biên thực hiện thủ tục hành chính cho người dân không trái với quy định Công văn số 797/UBND-KGVX ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh An Giang, về việc tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-Ttg trên phạm vi toàn tỉnh, đồng thời chỉ quy định nghiêm cấm người dân không được phép ra đường (Lưu thông trên bộ và trên sông) từ 18 giờ cho đến 05 giờ sáng hôm sau”.

Tại Kết luận giám định số 7427/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận “Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Phạm”, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Phạm” so với chữ ký “N”, chữ viết “Đinh Văn N” dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là có phải hay không phải do cùng một người ký và viết ra”. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Ph không yêu cầu giám định lại. Tại phiên tòa phúc

thẩm ngày 30/10/2024 ông Ph có yêu cầu giám định lại, sau đó lại làm đơn không yêu cầu giám định. Đến ngày 31/10/2024 lại yêu cầu giám định nhưng ông Ph không cung cấp được mẫu chữ ký, chữ viết của bà Phạm nên không có cơ sở để thực hiện việc giám định.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã căn cứ Án lệ số 52/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để công nhận hiệu lực của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/8/2021 giữa ông N, bà Phạm với ông Gi, bà L và xác định di sản thừa kế của bà Phạm không còn nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi chia di sản thừa kế của bà Phạm đối với phần đất diện tích 19.251,2m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Ph và bà M, bà Ph1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc ông Ph phải chịu 30.459.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác. Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 6.162.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp nên ông Ph còn được nhận lại 5.862.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Ph được chấp nhận một phần nên ông Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Yêu cầu kháng cáo của bà M và bà Ph1 không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ph và không chấp nhận kháng cáo của bà M, bà Ph1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14B/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên về án phí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn Ph; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Xuân M và bà Đinh Thị Bích Ph1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14B/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang về án phí.

3. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Văn Ph.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đinh Văn Ph về yêu cầu chia di sản thừa kế phần đất diện tích 19.251,2m² (Gồm đất vườn 8.396,2m², đất ruộng 10.855m²), tọa lạc tại phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đinh Văn Ph yêu cầu được chia di sản thừa kế phần đất diện tích 19.251,2m² (bao gồm đất vườn 8.396,2m², đất ruộng 10.855m²), tọa lạc tại phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đất (3+4) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Đinh Văn Gi và bà Nguyễn Thị Mỹ L theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 920138, số vào sổ cấp GCN CS 08492 ngày 23/9/2021 diện tích 16.792,4m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 920139, số vào sổ cấp GCN CS09493 ngày 23/9/2021 diện tích 8.979 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 920140, số vào sổ cấp GCN CS 08494 ngày 23/9/2021 diện tích 12.731m².

5. Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn Ph phải chịu 37.166.140 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng nộp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 6.162.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007659 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên nên ông Đinh Văn Ph còn được nhận lại 5.862.000 đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

7.1 Ông Đinh Văn Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên ông Ph được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010938 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

7.2 Bà Đinh Thị Xuân M và bà Đinh Thị Bích Ph1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0010939 và số 0010940 cùng ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TX. Tịnh Biên;
- THA DS TX. Tịnh Biên;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Hai Nguyễn Phước Hưng

Trần Thị Thúy Hà